

# MARKET LENS

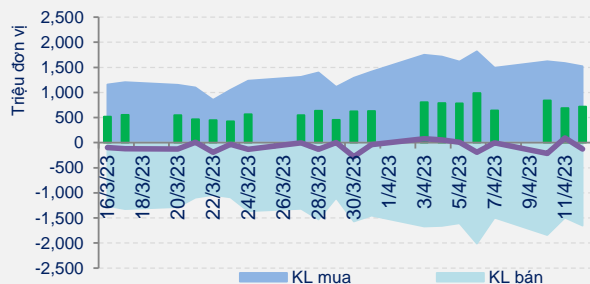
Phiên giao dịch ngày:

12/4/2023

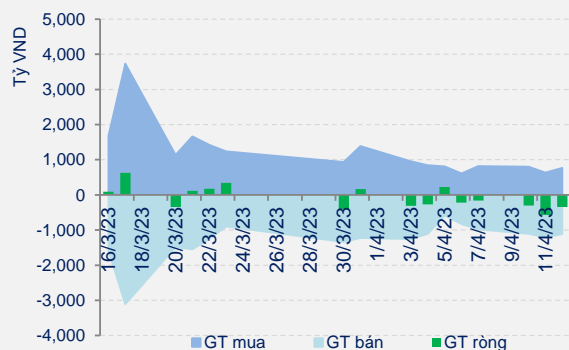
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,069.45	211.94
% Thay đổi	↓ 0.00%	↓ -0.19%
KLGD (CP)	718,324,039	96,665,705
GTGD (tỷ đồng)	12,650.03	1,344.80
Tổng cung (CP)	1,650,489,004	167,432,200
Tổng cầu (CP)	1,520,553,433	145,179,900

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	42,106,500	1,277,728
KL mua (CP)	27,565,500	870,112
GT mua (tỷ đồng)	772.35	18.98
GT bán (tỷ đồng)	1,114.25	19.01
GT ròng (tỷ đồng)	(341.90)	(0.03)

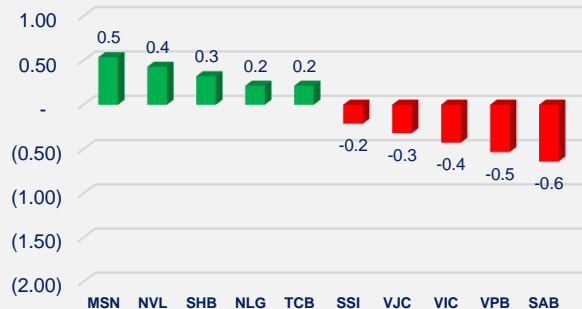
## Tương quan cung cầu HOSE



## Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



## Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường phiên giao dịch hôm nay diễn biến phân hóa mạnh khi VN-INDEX không biến động nhiều so với phiên trước với mức giảm nhẹ -0,01 điểm về 1.069,45 điểm, khối lượng giao dịch tăng nhẹ. Độ rộng thị trường nghiêng về tích cực với 190 mã tăng giá (05 mã tăng trần), 188 mã giảm giá (05 mã giảm sàn) và 70 mã tham chiếu. HNX-INDEX giảm 0,40 điểm (-0,19%) về mức 211,94 điểm với độ rộng vẫn tích cực khi 93 mã tăng giá (09 mã tăng trần), 8 mã giảm giá (13 mã giảm sàn) và 61 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 13.991,24 tỉ đồng, tăng nhẹ so với phiên trước với dòng tiền ngắn hạn vẫn đang luân chuyển và gia tăng mạnh ở nhiều mã. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng trên HOSE với giá trị bán ròng 341,90 tỉ đồng, trong đó tập trung bán ròng ở các mã nhóm chứng khoán, dầu khí, thép... Bán ròng nhẹ trên HNX với giá trị 0,03 tỉ đồng.

Nhóm cổ phiếu bất động sản tiếp tục là tâm điểm của thị trường khi tiếp tục có nhiều thông tin hỗ trợ tích cực như Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã họp và cho ý kiến về Dự án Luật Kinh doanh bất động sản trong sáng ngày 12/04/2023, hay thông tin Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà yêu cầu tỉnh Đồng Nai rà soát pháp lý, tìm giải pháp phù hợp tháo gỡ khó khăn tại Dự án Khu đô thị Paragon và Khu đô thị du lịch Long Tân... Trong đó nhiều mã tăng giá mạnh như HDC (+6,92%), NLG (+6,84%), TDC (+6,73%), NVL (+5,99%), HDG (+4,83)... ngoài ra một số mã chịu áp lực điều chỉnh trong vùng quá mua ngắn hạn như DIG (-1,71%), NTL (-0,95%)...

Nhóm cổ phiếu khu công nghiệp, cao su tiếp tục duy trì diễn biến khá tích cực so với chỉ số chung với nhiều mã tăng tốt. Tuy nhiên diễn biến giá đang đi vào vùng quá mua ngắn hạn, nhiều mã bắt đầu chịu áp lực bán ngắn như D2D (+6,75%), SZC (+3,40%), PHR (+2,64%), LHG (+2,34%), TIP (+0,50%)...

Trong khi đó nhóm cổ phiếu chứng khoán sau phiên phục hồi tốt hôm qua đã chịu áp lực bán ngắn hạn mạnh trở lại và kết phiên giảm điểm như CTS (-4,49%), BSI (-3,76%), FTS (-3,68%), AGR (-2,97%), MBS (-2,91%)...

Nhóm cổ phiếu ngân hàng đa phần phân hóa trái chiều biến động tích lũy tích cực trong biên độ hẹp và vẫn có tính chất giữ nhịp thị trường như SHB (+3,83%), PGB (+3,11%), EIB (+1,56%), TCB (+0,99%)... VPB (-1,67%), ACB (-0,40%), CTG (-0,34%), MBB (-0,27%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2304 giảm nhẹ 1 điểm (-0,09%), chênh lệch -5,69 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm 15,88% so với phiên trước. Khối lượng mở OI gia tăng trở lại trong 03 phiên liên tiếp và chiếm tỉ lệ khá cao 30% so với khối lượng khớp trong phiên. Các kỳ hạn VN30F2305, VN30F2306, VN30F2309 gia tăng mức chênh lệch lên từ -9,29 điểm đến -14,69 điểm cho thấy các trader vẫn chưa có kỳ vọng lạc quan về triển vọng tăng trưởng của VN30.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 12/4/2023

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Sau phiên hồi phục ngày 11/4, hôm nay đà tăng của thị trường đã không được duy trì khi VnIndex chốt phiên gần như đi ngang tuy nhiên trạng thái của thị trường hướng tới một giai đoạn hồi phục tiếp theo là không đổi, thị trường đang vận động và tích lũy ngắn khá chặt chẽ trong vài phiên vừa qua. Hiện tại, VnIndex vẫn duy trì vận động trên đường MA20 và trong kênh tăng ngắn hạn, chúng tôi kỳ vọng đợt điều chỉnh sẽ sớm kết thúc.

### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Phiên hôm nay VN-Index gần như đi ngang khi điểm số chốt phiên chỉ giảm -0,01 điểm do đó trạng thái kỹ thuật của chỉ số này không thay đổi. VN-Index vẫn duy trì vận động trên đường MA20 và đã tạo ra vùng điều chỉnh và tích lũy ngắn hạn chặt chẽ, khối lượng giao dịch tiếp tục được duy trì tích cực. Với nỗ lực phục hồi trong phiên 11/4 và phiên đi ngang hôm nay chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ sớm kết thúc điều chỉnh để trở lại xu hướng tăng ngắn hạn, mục tiêu của VN-Index đang hướng tới có thể là vùng kháng cự ngắn hạn 1.150 hoặc cao hơn theo kênh tăng (2 đường đỏ song song) trên đồ thị.

Xu hướng trung- dài hạn vẫn chưa có những thay đổi quan trọng sau phiên hôm nay, thị trường dưới góc nhìn dài hạn vẫn là quá trình tích lũy chặt chẽ dần của thị trường đang đi đến giai đoạn tin cậy (nhìn trên biểu đồ có thể thấy VN-Index đang dần hình thành mô hình Nêm). Kết hợp với các yếu tố vĩ mô khó đoán định ở giai đoạn hiện tại chúng tôi nhận định xu hướng hiện mang tính chất tích lũy sẽ còn tiếp tục kéo dài trước khi thị trường có thể tạo ra một xu hướng (uptrend) thực sự mạnh mẽ.

Với nhận định thị trường như trên, chúng tôi cho rằng các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng các phiên điều chỉnh đang diễn ra để giải ngân gia tăng tỷ trọng, chúng tôi vẫn kỳ vọng VN-Index sẽ hướng tới khu vực 1.150 điểm. Thị trường hiện tại vẫn phù hợp cho mục tiêu giải ngân đầu tư nắm giữ trung - dài hạn (đón đầu giai đoạn bùng nổ sau tích lũy), mục tiêu giải ngân đầu tư trung, dài hạn nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay. Chiến lược giải ngân trung - dài hạn nên là giải ngân dần trong các giai đoạn thị trường điều chỉnh giảm.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 12/4/2023

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu TTM	T.trường Lợi nhuận TTM	
PVS	26.10	24-25.5	29-30	22	14.1	14.8%	31.0%	Theo dõi chờ giải ngân
GVR	16.35	14-15.5	19-20	12	17.0	-2.9%	-7.7%	Theo dõi chờ giải ngân
HAH	39.80	33-34.5	44-46	30	3.5	63.9%	84.5%	Theo dõi chờ giải ngân
VCI	32.55	28-30	36-37	27	16.3	-14.9%	-42.0%	Theo dõi chờ giải ngân
BSI	26.90	22-23	28.5-29.5	20	33.3	-18.3%	-68.5%	Theo dõi chờ giải ngân
BMP	62.70	61-63	75-76	56	7.4	27.6%	223.9%	Theo dõi chờ giải ngân
PLC	32.70	28.5-30	34-35	26	19.8	25.2%	-23.6%	Theo dõi chờ giải ngân
LCG	12.35	10.5-11.5	13.5-14	10	12.3	-44.2%	5.7%	Theo dõi chờ giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thé	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
16/2/2023	POW	13.65	12.10	16-16.5	13	12.81%	Nắm giữ
3/8/2023	SZC	33.50	26.90	33-35	31	24.54%	Nắm giữ
3/9/2023	CSV	29.20	27.40	34-36	27	6.57%	Nắm giữ
3/9/2023	IDC	39.30	37.90	47-49	38	3.69%	Nắm giữ
30/3/2023	BVS	19.70	18.00	24-26	18.5	9.44%	Nắm giữ
31/3/2023	PTB	42.70	42.00	50-52	41	1.67%	Nắm giữ
4/4/2023	DBC	15.20	14.15	21-22	14	7.42%	Nắm giữ
4/4/2023	DCM	24.70	24.10	30-31	23	2.49%	Nắm giữ
4/4/2023	HAH	39.80	34.80	44-46	36	14.37%	Nắm giữ



## TIN VĨ MÔ

**Hết quý 1, thu từ thoái vốn nhà nước mới đạt 5,6% dự toán**

Theo Bộ Tài chính, trong 3 tháng đầu năm 2023, không có doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước thoái vốn tại 4 doanh nghiệp với giá trị là 41,2 tỷ đồng, thu về 168,4 tỷ đồng trong khi kế hoạch thu năm 2023 là 3.000 tỷ đồng.

**Chính phủ đã trả nợ hơn 71.552 tỷ đồng trong quý 1/2023**

Theo Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, tổng trả nợ của Chính phủ trong quý 1 khoảng 71.552,9 tỷ đồng: trả nợ trực tiếp khoảng 64.595,8 tỷ đồng, trả nợ cho vay lại khoảng 6.957,2 tỷ đồng. Tổng vay trong nước và nước ngoài của Chính phủ trong tháng 3 tính đến 25/3/2023 khoảng 24.878,5 tỷ đồng (cao hơn 17.884 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022)

**IMF bi quan về tăng trưởng kinh tế toàn cầu**

Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) ngày 11/4 công bố triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong trung hạn âm ậm nhất trong hơn 30 năm trở lại. IMF cho biết trong 5 năm nữa, tăng trưởng toàn cầu dự kiến sẽ đạt bình quân khoảng 3% mỗi năm. Về ngắn hạn, IMF bớt bi quan hơn, dự báo mức tăng trưởng toàn cầu là 2,8% trong năm nay và 3% vào năm 2024

**TP HCM, Hà Nội tụt hạng năng lực cạnh tranh cấp tỉnh**

Trong khi Quảng Ninh lần thứ sáu liên tiếp giữ ngôi đầu, Bắc Giang, Huế có nhiều cải thiện, PCI của hai đầu tàu kinh tế TP HCM và Hà Nội lại giảm. TP HCM lại giảm 13 bậc với 65,86 điểm xuống vị trí thứ 27; Hà Nội chỉ đạt 66,74 điểm tụt 10 bậc, xếp vị trí thứ 20, tức rời khỏi top 10 PCI.

**Tăng trưởng ngành logistics thấp kỷ lục trong tháng 3**

Tăng trưởng logistics liên tục giảm từ đầu năm 2023 và ghi nhận mức thấp kỷ lục 51,1 điểm vào tháng 3, theo Logistics Manger's Index (LMI). Các chỉ số chính trong bộ chỉ số LMI như giá vận tải, hiệu suất vận chuyển, năng lực vận tải tiếp tục giảm. Chỉ số hiệu suất vận chuyển cũng lần đầu không ghi nhận xu hướng tăng trưởng từ năm 2023.



## TIN DOANH NGHIỆP

**BCG lên kế hoạch lãi sau thuế hơn 650 tỷ, niêm yết BCG Land trong quý 3**

CTCP Tập đoàn BCG trình cổ đông kế hoạch lãi sau thuế 650.3 tỷ đồng, tăng 20% so với năm trước. Công tác niêm yết BCG Land dự kiến thực hiện trong quý 3/2023. Kế hoạch doanh thu 2023 của BCG Land là 3,583.28 tỷ đồng và kế hoạch lợi nhuận là 684.69 tỷ đồng.

**BMI đặt mục tiêu lãi trước thuế 2023 tăng tối thiểu 9%**

Tổng CTCP Bảo Minh (HOSE: BMI) vừa công bố tài liệu để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2023, diễn ra ngày 17/04, tại TP Hồ Chí Minh. HĐQT BMI trình cổ đông phương án phát hành hơn 10.96 triệu cp để trả cổ tức 2022, tỷ lệ thực hiện là 10%, dự kiến phát hành vào quý 2-4/2023.

**Chứng khoán KIS báo lãi quý 1 giảm 43%**

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam vừa công bố kết quả kinh doanh quý 1/2023 với doanh thu và lợi nhuận đều giảm. Trong đó, doanh thu môi giới, lãi cho vay và lãi tự doanh đều giảm so với năm trước. Hoạt động cho vay, dư nợ tại thời điểm cuối tháng 3 hơn 5,315 tỷ đồng, tăng gần 8% so với đầu năm.

**TNT muốn góp 160 tỷ đồng vào hai công ty con**

HĐQT CTCP Tập đoàn TNT (HOSE: TNT) đã thông qua việc góp 79 tỷ đồng mua cổ phần phát hành riêng lẻ của CTCP Đầu tư và Phát triển Tây Bắc và góp 81 tỷ đồng vào Công ty TNHH Vườn sinh thái Long Biên. Đến hết phiên ngày 11/04, giá cổ phiếu TNT dừng ở mức 3,860 đồng/cp, tăng gần 17% so với đầu năm.

**Chủ tịch Hồ Quỳnh Hương (DQC): Muốn hái quả ngọt phải đến năm 2025**

Ngày 12/04, CTCP Bóng đèn Điện Quang (HOSE: DQC) tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2023, thông qua mục tiêu lãi trước thuế 20 tỷ đồng, cổ tức 2023 là 5% và bầu bổ sung thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ mới (2023-2027).

**Cổ phiếu Vietravel thoát diện giao dịch hạn chế**

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) vừa đưa cổ phiếu VTR ra khỏi diện hạn chế do vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính năm 2022 không còn âm. Sau hơn nửa năm chỉ được giao dịch vào thứ 6 hàng tuần, cổ phiếu VTR của Vietravel sẽ được mua bán bình thường trở lại từ 12/4.

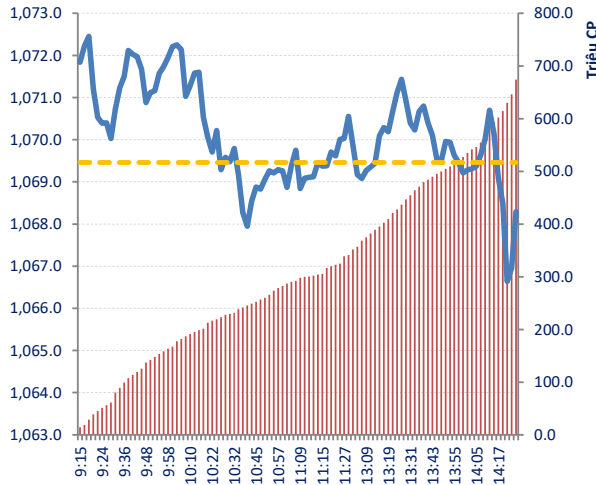
**HAG ước lãi sau thuế hơn 300 tỷ đồng trong quý 1**

HAG vừa công bố kết quả kinh doanh tháng 3/2023 với 652 tỷ doanh thu và 101 tỷ lãi sau thuế, lũy kế quý 1/2023 đạt 1.826 tỷ doanh thu và 308 tỷ lãi sau thuế. Trong cơ cấu doanh thu, chăn nuôi chiếm 29,7%, trái cây chiếm 38,5% và phụ trợ chiếm 31,8%

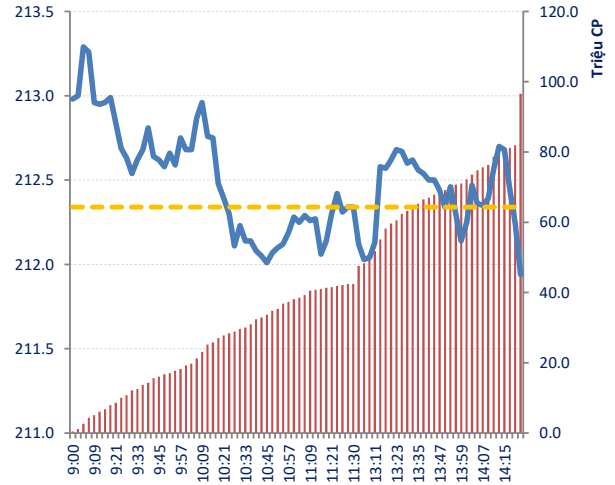


### THỐNG KÊ GIAO DỊCH

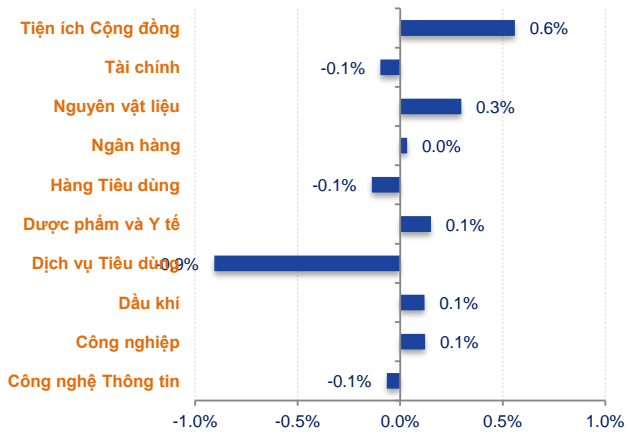
#### KLGD và VN-Index trong phiên



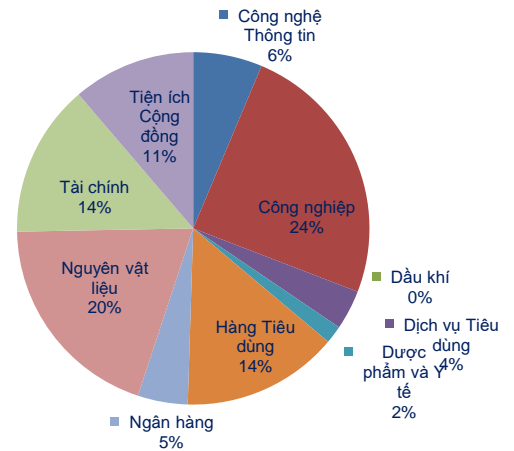
#### KLGD và HNX-Index trong phiên



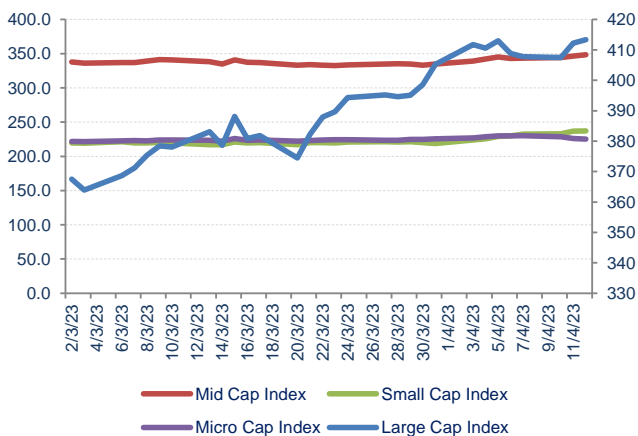
#### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



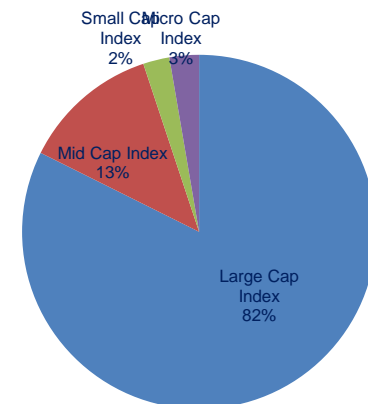
#### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



#### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



#### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



#### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HDB	1,628,200	CTG	3,372,400	1	CEO	396,850	SHS	702,410
2	MIG	528,700	FUEVFVND	1,794,700	2	TNG	84,392	TDN	53,800
3	SHB	450,800	DIG	1,474,000	3	APS	16,000	PVS	49,100
4	VHM	411,800	VND	1,392,900	4	NRC	8,700	IDJ	36,310
5	POW	384,600	KBC	1,387,900	5	HOM	8,000	IDC	36,300

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
NVL	14.20	15.05	↑ 5.99%	51,451,000	SHS	10.60	10.50	↓ -0.94%	35,843,298
SHB	11.75	12.20	↑ 3.83%	45,108,200	CEO	25.40	25.30	↓ -0.39%	6,470,979
LPB	14.85	14.85	→ 0.00%	25,337,000	HUT	17.00	16.70	↓ -1.76%	4,661,721
STB	25.95	26.10	↑ 0.58%	23,809,600	IDJ	12.40	12.80	↑ 3.23%	4,581,624
DXG	13.70	13.65	↓ -0.36%	21,947,800	PVS	26.10	26.10	→ 0.00%	3,962,846

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HDC	32.50	34.75	2.25	↑ 6.92%	HAT	25.00	27.50	2.50	↑ 10.00%
GIL	21.80	23.30	1.50	↑ 6.88%	PVL	2.00	2.20	0.20	↑ 10.00%
NLG	29.95	32.00	2.05	↑ 6.84%	SGC	62.00	68.20	6.20	↑ 10.00%
HHP	9.46	10.10	0.64	↑ 6.77%	AMC	20.60	22.60	2.00	↑ 9.71%
D2D	25.20	26.90	1.70	↑ 6.75%	CTT	12.60	13.80	1.20	↑ 9.52%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TIX	35.20	32.75	-2.45	↓ -6.96%	NHC	33.00	29.70	-3.30	↓ -10.00%
TTE	12.25	11.40	-0.85	↓ -6.94%	DDG	34.20	30.80	-3.40	↓ -9.94%
L10	25.35	23.60	-1.75	↓ -6.90%	VSM	22.20	20.00	-2.20	↓ -9.91%
HU1	7.54	7.02	-0.52	↓ -6.90%	PCE	27.50	24.80	-2.70	↓ -9.82%
PMG	11.10	10.35	-0.75	↓ -6.76%	HCT	15.30	13.80	-1.50	↓ -9.80%

(\*) Giá điều chỉnh





## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	51,451,000	5.3%	1,164	12.2	0.6
SHB	45,108,200	19.7%	2,520	4.7	0.8
LPB	25,337,000	22.1%	2,825	5.3	1.1
STB	23,809,600	13.8%	2,674	9.7	1.3
DXG	21,947,800	1.6%	354	38.7	0.6

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	35,843,298	2.1%	224	47.3	0.9
CEO	6,470,979	7.7%	1,084	23.4	1.8
HUT	4,661,721	3.8%	415	41.0	1.5
IDJ	4,581,624	9.8%	866	14.3	1.1
PVS	3,962,846	6.9%	1,849	14.1	1.0

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HDC	↑ 6.9%	25.1%	3,873	8.4	1.9
GIL	↑ 6.9%	17.6%	5,633	3.9	0.6
NLG	↑ 6.8%	4.1%	1,452	20.6	0.9
HHP	↑ 6.8%	8.9%	1,142	8.3	0.7
D2D	↑ 6.7%	1.6%	568	44.4	0.8

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HAT	↑ 10.0%	31.2%	5,893	4.2	1.2
PVL	↑ 10.0%	0.0%	1	1,709.6	0.4
SGC	↑ 10.0%	32.8%	8,306	7.5	2.1
AMC	↑ 9.7%	12.6%	2,217	9.3	1.2
CTT	↑ 9.5%	16.7%	2,306	5.5	0.9

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	1,628,200	22.2%	3,081	6.3	1.3
MIG	528,700	0.0%	-	-	1.4
SHB	450,800	19.7%	2,520	4.7	0.8
VHM	411,800	20.6%	6,621	7.8	1.5
POW	384,600	6.4%	880	15.2	0.9

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	396,850	7.7%	1,084	23.4	1.8
TNG	84,392	18.8%	2,880	6.1	1.1
APS	16,000	-37.9%	(5,410)	-	1.1
NRC	8,700	0.5%	72	57.1	0.3
HOM	8,000	2.2%	296	16.2	0.4

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	417,408	24.4%	6,318	14.0	3.1
BID	224,598	19.1%	3,590	12.4	2.2
VHM	224,250	20.6%	6,621	7.8	1.5
VIC	204,427	5.9%	2,270	23.6	1.5
GAS	191,204	26.1%	7,732	12.9	3.1

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	13,720	4.2%	697	56.2	2.3
IDC	12,903	31.7%	5,356	7.3	2.1
KSF	12,780	5.6%	1,224	34.8	1.9
PVS	12,475	6.9%	1,849	14.1	1.0
PVI	11,548	0.5%	168	294.3	1.5

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	3.30	0.0%	3	1,926.4	0.4
DXG	3.00	1.6%	354	38.7	0.6
NHA	2.87	0.5%	45	301.0	1.3
LDG	2.73	0.1%	16	308.1	0.4
DLG	2.65	-71.1%	(4,074)	-	0.7

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

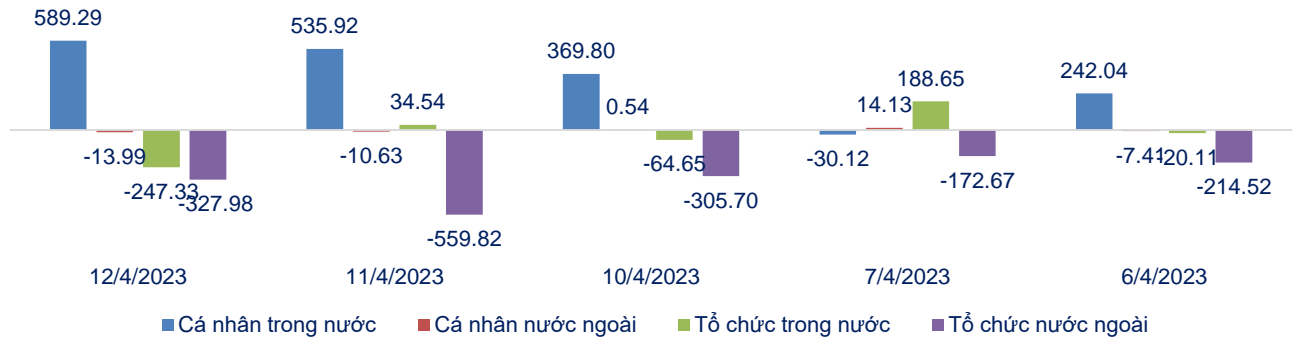
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
L14	4.48	3.3%	615	87.9	4.1
APS	3.80	-37.9%	(5,410)	-	1.1
API	3.59	13.2%	1,410	9.6	1.2
CEO	3.53	7.7%	1,084	23.4	1.8
IDJ	3.51	9.8%	866	14.3	1.1





## THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



## Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
LPB	153.45	22.1%	2,825	5.3	1.1
STB	96.86	13.8%	2,674	9.7	1.3
HPG	41.90	9.1%	1,459	14.3	1.3
VNM	40.74	24.8%	4,077	18.2	4.7
DXG	37.60	1.6%	354	38.7	0.6

## Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VJC	-90.31	-14.3%	(4,177)	-	3.7
SSI	-48.20	9.3%	1,367	16.5	1.5
APH	-42.43	-0.3%	(78)	-	0.3
NVL	-20.41	5.3%	1,164	12.2	0.6
VHM	-17.63	20.6%	6,621	7.8	1.5

## Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDC	10.48	25.1%	3,873	8.4	1.9
PNJ	7.80	25.0%	5,622	14.0	3.1
KDH	1.02	10.0%	1,550	18.4	1.7
MSN	0.99	9.0%	2,511	31.0	3.0
HDB	0.72	22.2%	3,081	6.3	1.3

## Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	-18.50	1.9%	236	74.0	1.4
FPT	-5.41	22.7%	4,851	16.6	3.5
SSI	-3.55	9.3%	1,367	16.5	1.5
PDR	-2.60	13.1%	1,693	8.0	1.0
NVL	-1.65	5.3%	1,164	12.2	0.6

## Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VJC	93.26	-14.3%	(4,177)	-	3.7
CTG	80.60	16.6%	3,491	8.5	1.3
SSI	74.34	9.3%	1,367	16.5	1.5
APH	42.91	-0.3%	(78)	-	0.3
FUEVFVND	38.83	N/A	N/A	N/A	N/A

## Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
LPB	-153.20	22.1%	2,825	5.3	1.1
STB	-92.86	13.8%	2,674	9.7	1.3
CII	-27.48	8.3%	2,789	5.4	0.5
MWG	-27.07	18.5%	2,809	14.5	2.5
DXG	-25.87	1.6%	354	38.7	0.6

## Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	31.21	22.2%	3,081	6.3	1.3
VHM	20.91	20.6%	6,621	7.8	1.5
HDG	12.16	18.4%	4,492	7.1	1.2
PNJ	11.91	25.0%	5,622	14.0	3.1
NLG	10.71	4.1%	1,452	20.6	0.9

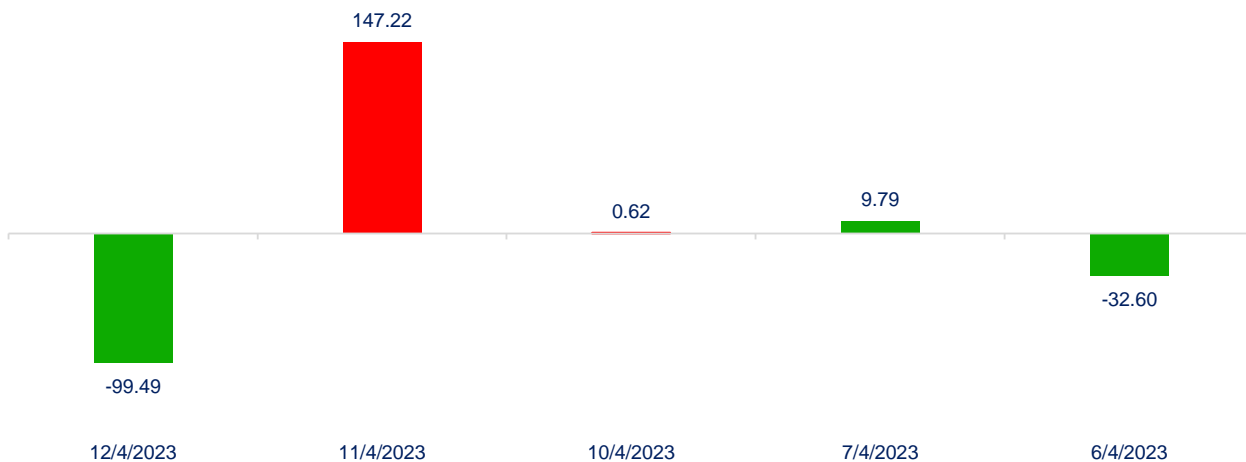
## Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	-99.46	16.6%	3,491	8.5	1.3
FUEVFVND	-40.56	N/A	N/A	N/A	N/A
KBC	-36.42	8.9%	1,991	13.1	1.1
HPG	-28.13	9.1%	1,459	14.3	1.3
VNM	-26.00	24.8%	4,077	18.2	4.7

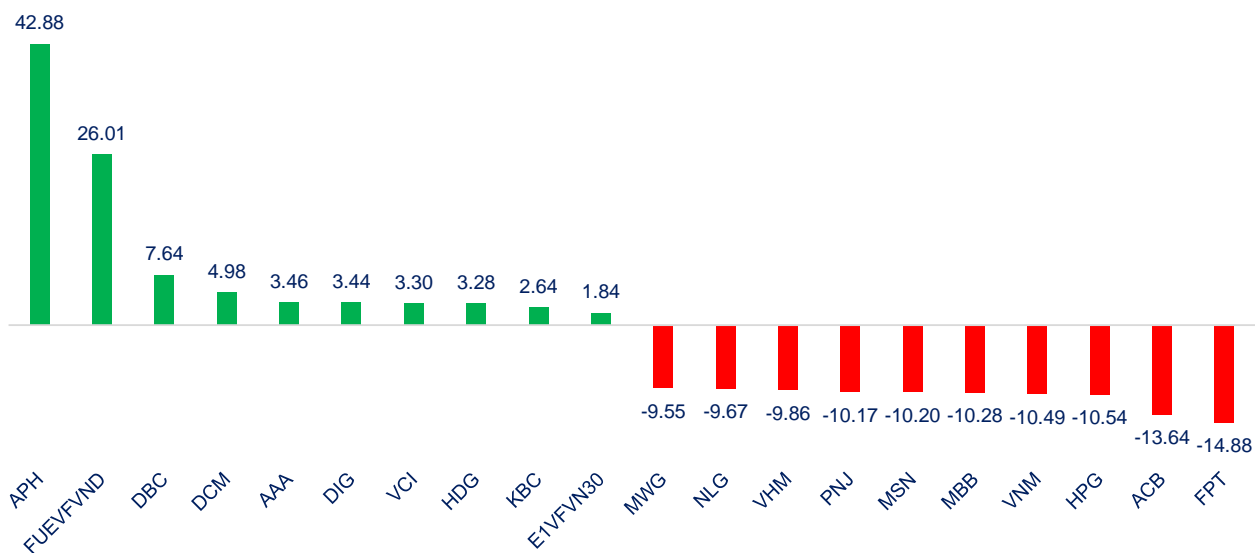


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---